



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 12 (18/03-22/03/24)

*Cập nhật diễn biến lạm phát hiện tại của
Hoa Kỳ và liên hệ tới Việt Nam*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Thận trọng theo dõi diễn biến thị trường tại vùng đỉnh ngắn hạn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Cập nhật diễn biến lạm phát hiện tại của Hoa Kỳ và liên hệ tới Việt Nam*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Theo dõi diễn biến thị trường tại vùng tích lũy 1,260 – 1,280 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *CPI tháng 2/2024 của Hoa Kỳ đạt +3.2% YoY*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +12.31%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Thận trọng theo dõi diễn biến thị trường tại vùng đỉnh ngắn hạn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1263.78	1.32%
GTGD/phiên (tỷ VND)	23,710.53	-5.87%
Khối ngoại (tỷ VND)	-2606.90	
HNX-INDEX	239.54	1.36%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2281.12	3.06%
Khối ngoại (tỷ VND)	-88.15	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	5117.09	-0.65%	-0.13%	2.23%
EU (EURO STOXX)	4986.02	-0.14%	0.50%	4.62%
China (SHCOMP)	3054.64	0.54%	0.28%	6.59%
Japan (NIKKEI)	38707.64	-0.26%	-2.47%	0.57%
Korea (KOSPI)	2666.84	-1.91%	-0.50%	0.68%
Singapore (STI)	3172.96	-0.42%	0.82%	-1.52%
Thailand (SET)	1386.04	-0.64%	-0.03%	-0.02%
Phillipines (PCOMP)	6822.32	-2.09%	-1.73%	-0.74%
Malaysia (KLCI)	1552.83	0.59%	0.84%	1.26%
Indonesia (JCI)	7328.05	-1.42%	-0.73%	-0.10%
Vietnam (VNIndex)	1263.78	-0.04%	1.32%	4.47%

TTCK VIỆT NAM

VN-Index quay lại vùng đỉnh ngắn hạn trong tuần ETF cơ cấu danh mục

VN-Index tăng 1.3% sau một tuần giảm với thanh khoản giảm. Thị trường phân hóa khi chỉ có 58% cổ phiếu tăng nhưng số ngành tăng điểm áp đảo với 15/18 ngành. Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên 100 triệu USD. Dòng tiền dù vậy tích cực dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu vừa hỗ trợ chỉ số tăng điểm và duy trì vận động luân chuyển của dòng tiền. Ngành hóa chất, hàng cá nhân và công nghệ thông tin tăng trên 5% trong khi Ngân hàng, bảo hiểm và thực phẩm đồ uống giảm trên 1.7%. Áp lực chốt lãi và sự suy yếu của ngành ngân hàng khiến cho VN-Index quay lại giằng co tại vùng đỉnh ngắn hạn. NĐT cân nhắc duy trì tỷ lệ cổ phiếu hợp lý và theo dõi vùng đỉnh ngắn hạn trước khi gia tăng giao dịch ngắn hạn.

Hội nghị triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền 2024, với định hướng triển khai chỉ thị 01, 02 và quyết định 83 của thủ tướng; hoàn thiện quy định pháp lý cấp tín dụng, xem xét kéo dài thông tư 02; điều hành chủ động, linh hoạt, hợp lý giữa lãi suất và tỷ giá phù hợp diễn biến vĩ mô và mục tiêu CSTT; điều hành tăng trưởng tín dụng định hướng 15% và triển khai các chương trình tín dụng như 120 nghìn tỷ lĩnh vực BĐS, ngành nông nghiệp chủ lực, lĩnh vực xăng dầu, ... Tính đến 29/2, tín dụng giảm 0.72% so với 2023. NHNN cũng yêu cầu các tổ chức tín dụng công khai lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay chương trình tín dụng. Đây là những điểm đổi mới hướng tới đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng, lãi suất minh bạch và hiệu quả.

TTCK THẾ GIỚI

TT Hoa Kỳ và Châu Âu giằng co đi lên, TTCK Nhật quay đầu giảm điểm

Thông tin PPI tăng khiến cho các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm phiên 14/3, xét chung cả tuần các chỉ số ghi nhận mức tăng bình quân 0.2%. Các chỉ số CK Châu Âu duy trì đà tăng đạt đỉnh kỷ lục mới, EU600 tăng 0.6%. TTCK Nhật giảm 2.4% sau chuỗi tuần tăng điểm ấn tượng. Chỉ số DXY bật tăng 0.8% sau 1 tuần giảm điểm cùng với đà tăng của TPCP 10y. Chỉ số hàng hóa tiếp tục tăng 1.5%, nhờ mức tăng 3.6% dầu thô, giá kim loại và nông sản. Tuần tới nhiều NHTW chủ chốt ra thông báo về chính sách tiền tệ trong đó có FED. Thị trường không đặt kỳ vọng nhiều nhưng thông điệp từ các cuộc họp cũng ảnh hưởng đến biến động của thị trường.

Chỉ số CPI tháng 2 Hoa Kỳ lại tăng tốc trong tháng 2 với mức tăng 0.4% tháng trước. CPI tăng 3.2% yoy, cao hơn mức dự báo 3.1% các chuyên gia và của tháng 1/2024. CPI lõi tăng 0.4% mom và tăng 3.8%yoy, đều tăng vượt dự báo 0.1%. Các yếu tố đóng góp CPI từ mức tăng 2.3% giá năng lượng và chi phí nhà tăng 0.4%. Chỉ số PPI tháng 2 tăng 0.6% mom, cho con đường hạ CPI về mục tiêu 2% của FED vẫn còn chông gai. Ngoài ra thị trường lao động Hoa Kỳ vẫn khá mạnh và GDP dự báo tăng 2.5% trong quý I. Kinh tế Mỹ tạo 275 nghìn việc làm trong tháng 2. Các thông tin mới tiếp tục củng cố cho khả năng FED sẽ giữ nguyên quan điểm giữ nguyên lãi suất và chưa có thêm thông tin mới trong kỳ họp tháng 3 vào tuần tới.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật diễn biến lạm phát hiện tại của Hoa Kỳ và liên hệ tới Việt Nam

Trước cuộc họp FOMC tháng 1 diễn ra ngày 30-31/1/2024, thị trường dự báo Fed sẽ bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất từ tháng 3 hoặc tháng 4. Tuy nhiên, bắt đầu từ cuộc họp tháng 1, Fed bắt đầu đưa ra tín hiệu "điều hòa" hơn, khiến thị trường và cả các quan chức Fed bắt đầu lùi dự báo về thời điểm diễn ra lần hạ lãi suất đầu tiên của chu kỳ nới lỏng, từ tháng 3,4 xuống tháng 6/2024.

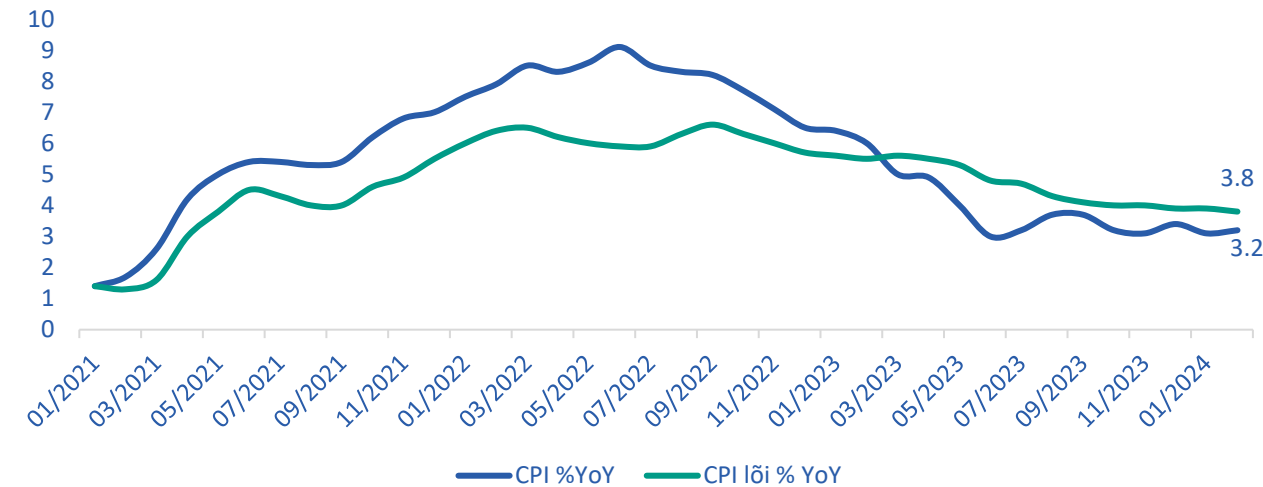
Tại sao lại xảy ra hiện tượng này? Mời anh chị tham khảo chuyên đề tuần 12 để có thêm góc nhìn về CSTT hiện tại của Hoa Kỳ và ảnh hưởng của CSTT này đến Việt Nam.

1. Điều gì khiến Fed chưa bắt đầu chu kỳ nới lỏng?

Đà giảm lạm phát của Hoa Kỳ bắt đầu có dấu hiệu chững lại từ giữa năm 2024, loanh quanh ở mức trên 3%. Ngày 13/03/2024, CPI – chỉ số giá tiêu dùng tháng 2/2024 của Hoa Kỳ được công bố, ở mức +3.2% YoY, vượt dự báo là +3.1% YoY cũng như tăng trở lại so với số +3.1% tháng trước. CPI lõi đạt +3.8% YoY, cao hơn dự báo +3.7%, vẫn đang trên đà giảm nhưng vẫn còn cách xa mục tiêu 2%.

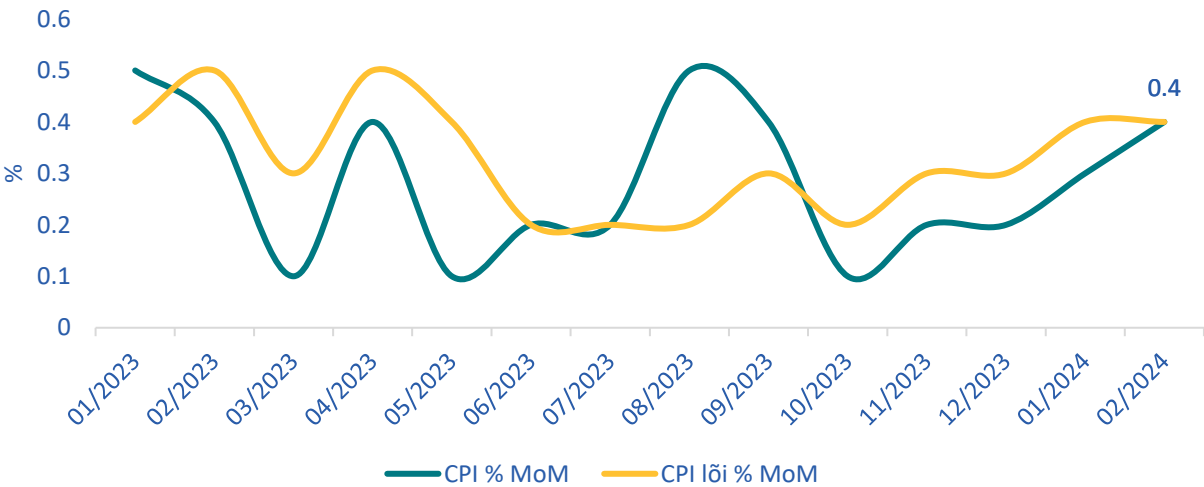
Xét theo tăng trưởng tháng, tốc độ tăng của CPI có dấu hiệu tăng tốc kể từ tháng 11/2023 (+0.2% MoM) và tháng 2/2024 đạt +0.4% MoM. CPI lõi cũng có diễn biến tương tự và cũng đạt +0.4% MoM trong tháng 2/2024. Giá thuê nhà và giá xăng dầu (chiếm hơn 60% rổ CPI) đóng góp nhiều nhất cho đà tăng của chỉ số. Đối với giá xăng dầu, sự bất định trong xung đột địa chính trị là rủi ro làm tăng giá; đối với giá thuê nhà, giá này chưa thể hạ nhiệt nhanh khi giá nhà tại Hoa Kỳ vẫn đang ở mức cao.

Đồ thị 01. Diễn biến CPI %YoY của Hoa Kỳ



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 02. Diễn biến CPI %MoM của Hoa Kỳ



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

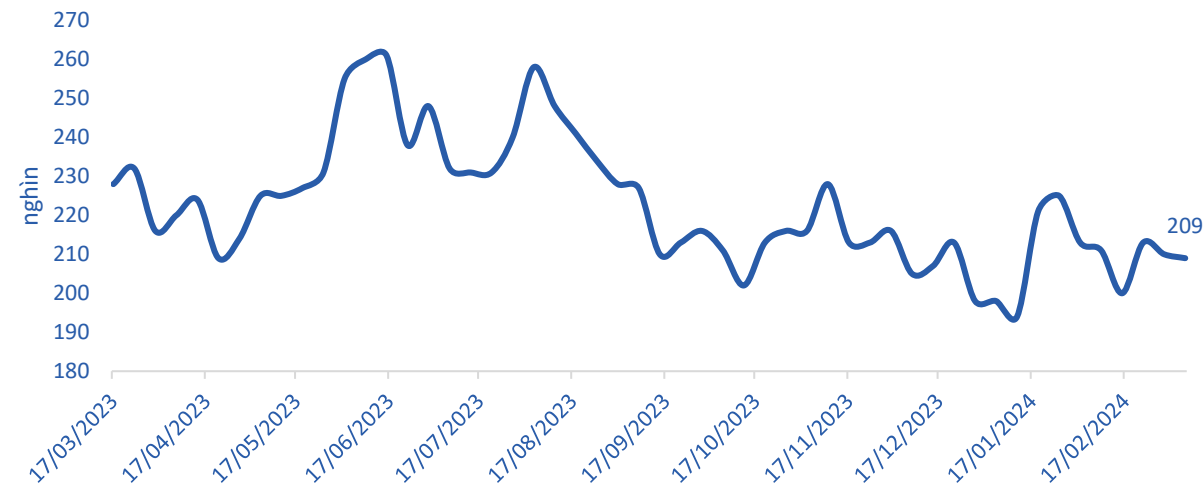
Ngoài ra, ngày 14/3/2024, chỉ số PPI – chỉ số giá sản xuất tháng 2/2024 của Hoa Kỳ +1.6% YoY, cao hơn dự báo +1.1% YoY và cũng tăng so với mức +1% YoY của tháng trước, chỉ số PPI lõi +2% YoY, cao hơn dự báo +1.9% YoY và không thay đổi so với tháng trước.

Như vậy có thể nói rằng, mức tăng của lạm phát vẫn đang vượt dự báo của thị trường.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật diễn biến lạm phát hiện tại của Hoa Kỳ và liên hệ tới Việt Nam

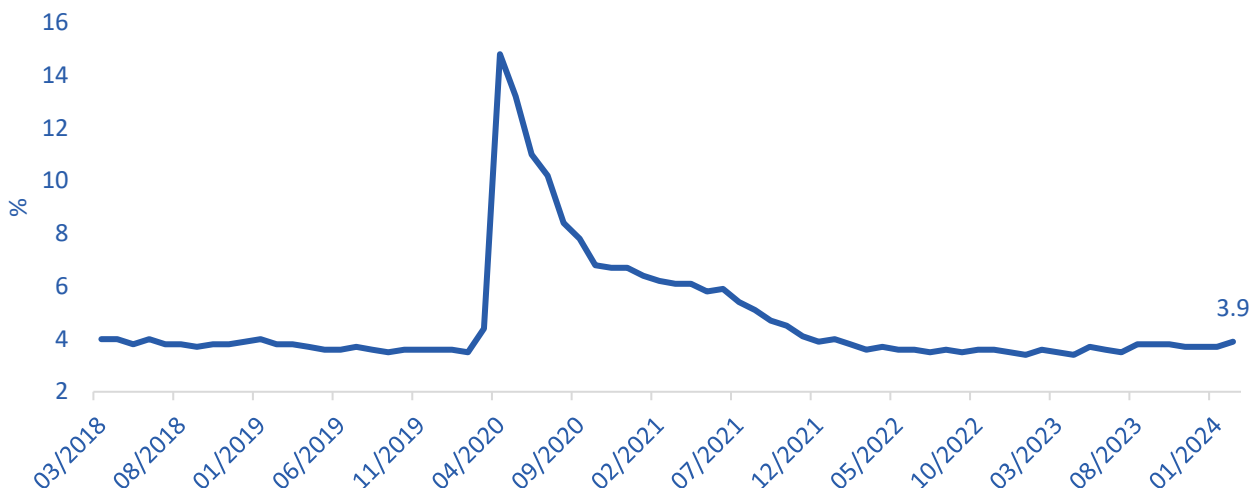
Xét thị trường lao động, trong báo cáo tháng 2/2024 của Bộ lao động, Hoa Kỳ đã tạo ra 275 nghìn công việc trong tháng, vượt xa mức dự báo 200 nghìn và cao hơn mức 229 nghìn của tháng 1/2024. Tính đến tuần kết thúc ngày 8/3/2024, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm 1 nghìn xuống còn 209 nghìn, thấp hơn dự báo của thị trường là 218 nghìn, giảm so với mức 210 nghìn của tuần trước. Tỷ lệ thất nghiệp tháng 2/2024 đạt 3.9%, vẫn ở ngưỡng hợp lý của Hoa Kỳ 3 – 5% và tương đương giai đoạn trước dịch.

Đồ thị 03. Diễn biến số đơn xin trợ cấp thất nghiệp của Hoa Kỳ theo tuần



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 04. Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận xét: Mặc dù đã trải qua 2 năm thắt chặt CSTT, nhưng lạm phát tại Hoa Kỳ vẫn đang có diễn biến “cứng đầu” và phần nào nằm ngoài dự đoán của Fed khiến Fed phải đưa ra quan điểm từ thận trọng thành “điều hâu” hơn trong cuộc họp tháng 1/2024. Đồng thời, nhìn vào thị trường lao động, vẫn có thể thấy rằng nền kinh tế vẫn đang mở rộng, rủi ro về một cuộc “hạ cánh cứng” đã không còn được nhắc đến. Theo thống kê dự báo của các tổ chức tài chính thế giới do Bloomberg tổng hợp, xác suất xảy ra một cuộc suy thoái trong năm 2024 đã giảm từ 60% xuống 40% (tính đến ngày 23/2/2024). **Đây là cơ sở để Fed có thể tiếp tục duy trì lãi suất ở mức cao.**

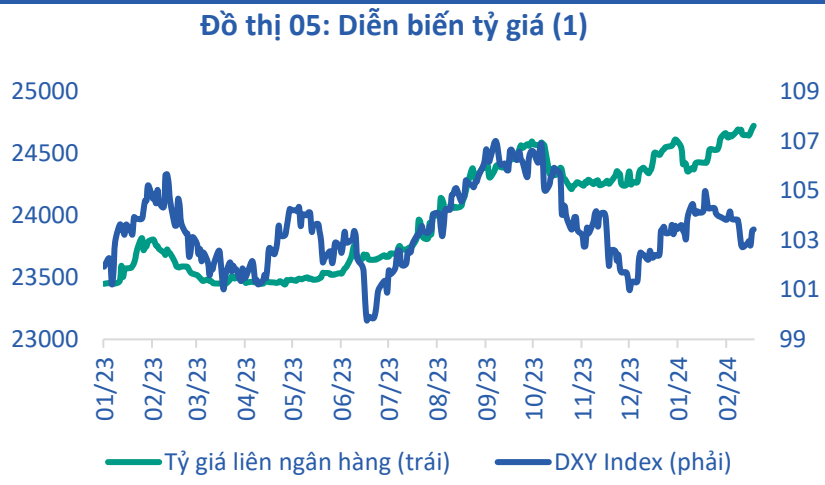
2. Ảnh hưởng đến Việt Nam

- Ảnh hưởng đến tỷ giá:

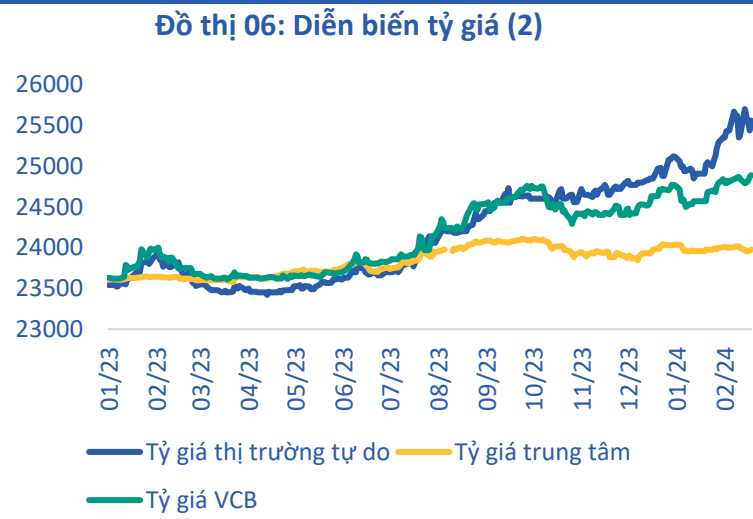
Động thái điều hâu của Fed sau cuộc họp cuối tháng 1/2024 và diễn biến lạm phát không tích cực tại Hoa Kỳ đã khiến cho chỉ số DXY Index – chỉ số giá Đô la tăng, kéo theo tỷ giá USD/VND tăng mạnh. Trên thị trường tự do, tỷ giá USD/VND tính đến ngày 15/3/2024 đã đạt 25,560, tăng +2.49% so với ngày 31/1/2024 (ngày Fed họp CSTT) (Đồ thị 05).

Để điều hành tỷ giá, SBV đã khởi động lại kênh hút tiền qua tín phiếu trên thị trường mở (OMOs) kể từ ngày 11/3/2024. Tính đến hiện tại, SBV đã hút ròng khoảng 75 nghìn tỷ đồng. Tất cả tín phiếu đều đáo hạn sau 28 ngày. Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm đã có phản ứng tăng trở lại sau động thái của SBV. Chi tiết ảnh hưởng từ việc SBV phát hành tín phiếu đến TTCK Việt Nam, mời anh chị tham khảo báo cáo chuyên đề **“Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán”** (Đồ thị 07).

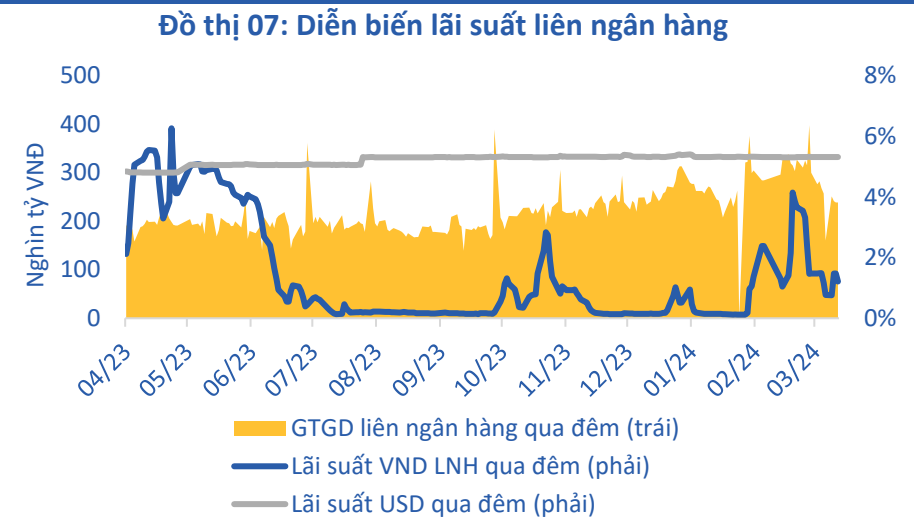
CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật diễn biến lạm phát hiện tại của Hoa Kỳ và liên hệ tới Việt Nam



Nguồn: Bloomberg, BSC Reseach



Nguồn: FiinProX, BSC Reseach



Nguồn: FiinProX, BSC Reseach

- **Ảnh hưởng đến lạm phát:** Tỷ giá tăng nhìn chung sẽ làm tăng chi phí nhập khẩu, gây áp lực lạm phát chi phí đẩy.
- **Ảnh hưởng tới dòng vốn ngoại vào Việt Nam:** Trong bối cảnh sức khỏe nền kinh tế Hoa Kỳ tốt hơn kỳ vọng và đồng VNĐ mất giá so với USD, các nhà đầu tư nước ngoài có thể rút khỏi thị trường Việt Nam. Thực tế, trong tuần 11, khối ngoại đã bán ròng khoảng 2.6 nghìn tỷ đồng trên TTCK Việt Nam.
- **Ảnh hưởng đến các doanh nghiệp:** Tỷ giá tăng có lợi đối với các doanh nghiệp xuất khẩu vì khi bán họ nhận về về USD, khi quy đổi sang tiền đồng, họ sẽ thu được nhiều hơn. Ngược lại, các doanh nghiệp nhập khẩu sẽ gặp bất lợi vì họ phải đổi tiền đồng ra USD để trả cho đối tác. Ngoài ra, tỷ giá tăng cũng là gánh nặng đối với các doanh nghiệp vay nợ bằng USD.

3. Kết luận

Động thái phát hành tín phiếu của SBV có lẽ sẽ chỉ có tác dụng làm dịu đà tăng nóng của tỷ giá, còn tỷ giá khả năng vẫn sẽ duy trì ở mức cao khi những chỉ số lạm phát Hoa Kỳ vẫn ủng hộ cho CSTT “điều hâu” của Fed kéo dài. Tỷ giá có thể sẽ bắt đầu hạ nhiệt khi có những bằng chứng rõ ràng và vững chắc hơn về đà giảm bền vững của lạm phát về mức mục tiêu 2% và thời điểm Fed bắt đầu hạ lãi suất. BSC dự báo tỷ giá sẽ hạ nhiệt trong nửa cuối năm 2024 và tỷ giá trung bình cả năm 2024 sẽ ở mức 24,045 - 24,319 so với mức 23,839 của năm 2023.

Báo cáo tham khảo

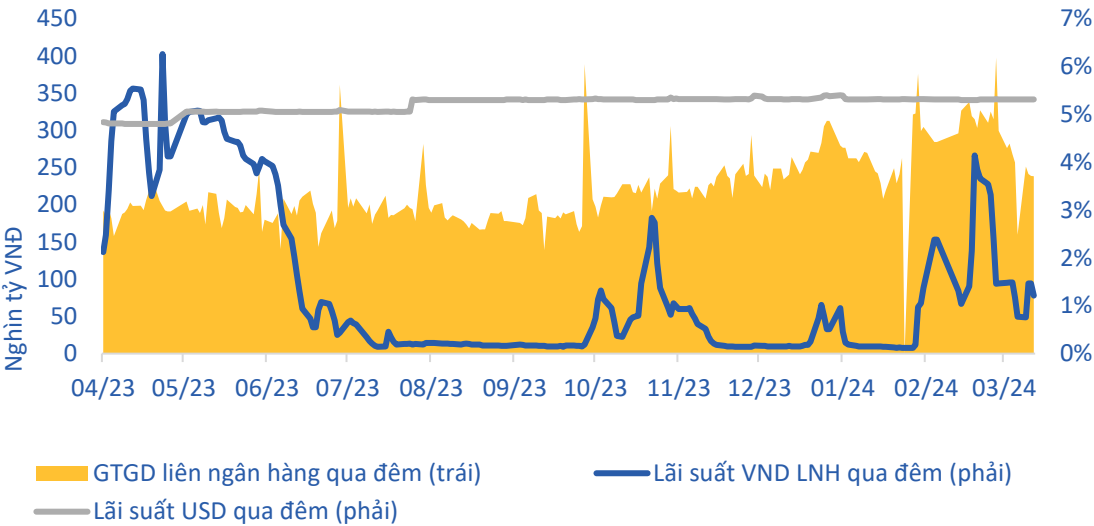
- Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán: [Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 8	19/02/2024	23/02/2024	0.00	6,037.51	6,037.51
Tuần 9	26/02/2024	01/03/2024	6,037.51	0.00	-6,037.51
Tuần 10	04/03/2024	08/03/2024	0.00	0.00	0.00
Tuần 11	11/03/2024	15/03/2024	74,998.90	0.00	-74,998.90

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	1.23%	1.52%	1.66%	1.73%	2.86%	4.41%	4.36%
So với tuần trước	-0.05%	0.08%	0.15%	-0.38%	-0.17%	0.30%	-0.86%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	242,351.50	14,948	2,286	3,663	1,477	203	382
So với tuần trước	-2.51%	-39.45%	-76.63%	-2.50%	121.51%	-3.70%	10497.22%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 14/03/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 11, SBV đã hút ròng gần 75 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng bắt đầu phản ứng với việc SBV hút ròng tiền qua OMOs, quay đầu tăng nhẹ trong tuần.

PTKT VN-INDEX: Theo dõi diễn biến thị trường tại vùng tích lũy 1,260 – 1,280 điểm

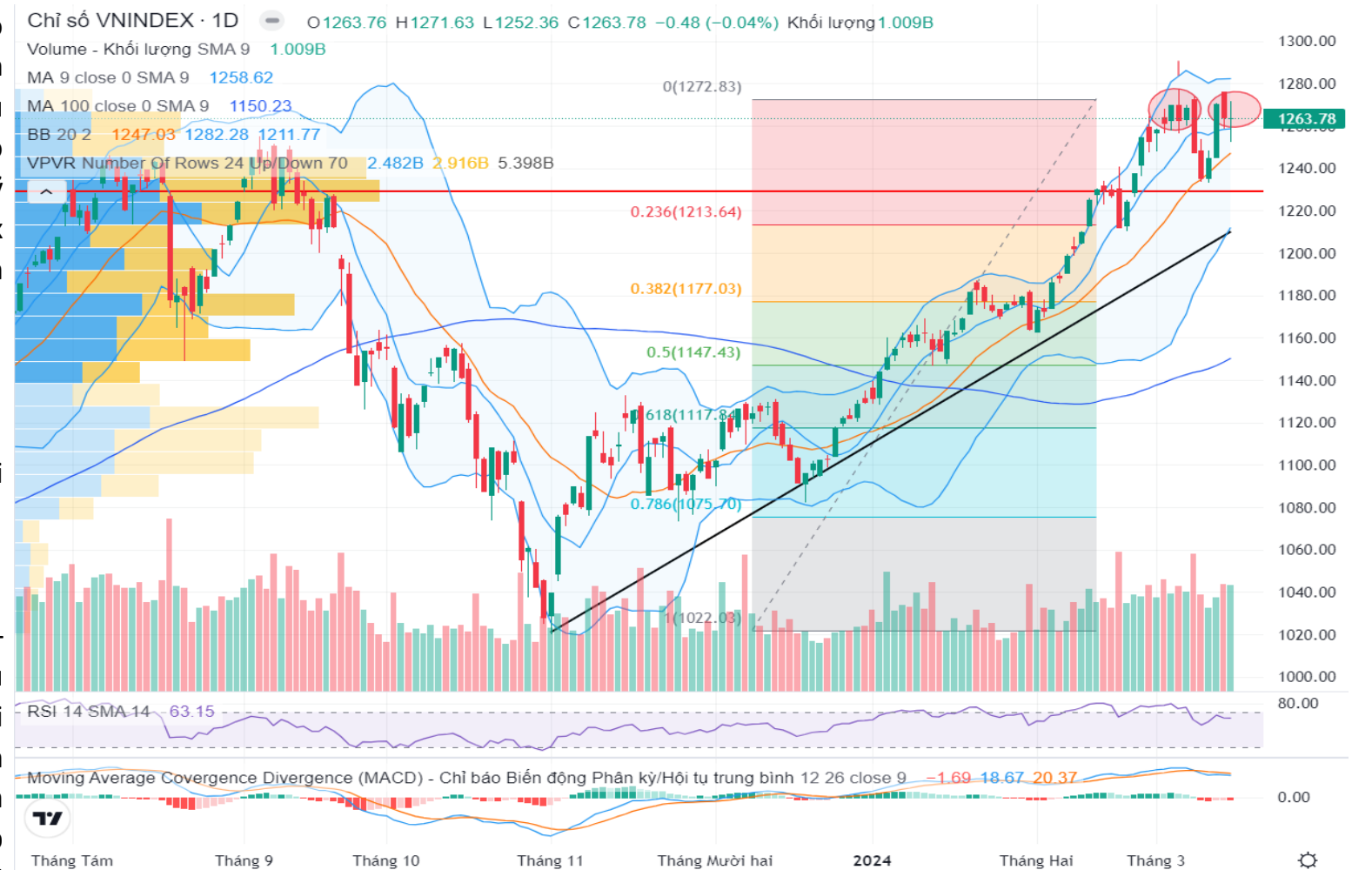
Đồ thị ngày: VN-Index bật tăng từ SMA20 và quay trở lại kiểm tra vùng đỉnh ngắn hạn. Những phiên tăng điểm là những phiên có thanh khoản thấp nhưng những phiên giảm và giằng co lại là phiên có thanh khoản lớn hơn. Điều này đang cho thấy thị trường có xu hướng tiết cung vùng giá thấp nhưng sẵn sàng bán ra ở vùng giá cao kéo theo xu hướng giằng co tại vùng đỉnh ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật giảm dưới vùng quá mua. Dấu hiệu phân kỳ âm giữa VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật sẽ xuất hiện khi VN-Index vượt đỉnh ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng nhẹ từ 61 lên 63 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống và thu hẹp nhẹ so với mức 0. Thanh khoản giảm 12% so tuần trước.
- VN-Index duy trì trên SMA 20, SMA 50, SMA 200 đồ thị ngày.

Kết luận: VN-Index đang tích lũy ở đỉnh cũ trong khoảng 1,260 – 1,280 điểm. Diễn biến chỉ số có phần gây nhiễu trong tuần cơ cấu ETF khi các cổ phiếu lớn suy yếu trước áp lực bán mạnh của khối ngoại. Tuy nhiên chỉ số đang có nguy cơ hình thành mô hình 2 đỉnh với đường viền cổ tại 1234 điểm và giá mục tiêu tại 1210 điểm trong trường hợp các cổ phiếu dẫn dắt tiếp tục suy yếu. Trường hợp các cổ phiếu dẫn dắt tăng trở lại, VN-Index sẽ vẫn được hỗ trợ bởi SMA20 để vượt qua 1,300 điểm. Đây là 2 kịch bản cần tiếp tục theo dõi trong tuần tới.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: CPI tháng 2/2024 của Hoa Kỳ đạt +3.2% YoY

VIỆT NAM:

- NHNN: Kích hoạt trở lại công cụ phát hành tín phiếu để điều tiết thanh khoản tiền đồng giúp hạ nhiệt tỷ giá trong bối cảnh tỷ giá liên tục tăng mạnh.
- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính): Tính đến hết tháng 6/2023, dư nợ của Chính phủ ở mức 3.36 triệu tỷ đồng (+110 nghìn tỷ so với cuối 2022). Trong đó, nợ nước ngoài tính đến hết tháng 6/2023 đạt khoảng 983 nghìn tỷ đồng (+9 nghìn tỷ so với cuối năm 2022). Nợ vay trong nước đạt hơn 2.37 triệu tỷ đồng +101 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2022), chiếm khoảng 70% dư nợ Chính phủ.
- NHNN: Nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng đến cuối năm 2023 là 4.55%, tăng so với mức 2.03% vào cuối năm 2022.
- NHNN: Tăng trưởng tín dụng tính đến 29/2/2024 đạt -0.72% YTD.
- Bộ Tài chính: Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xem lại mức điều chỉnh lương hưu, trợ cấp do vượt quá dự toán ngân sách nhà nước (tổng kinh phí chi trả là 17,276 tỷ đồng, gấp 2.3 lần nguồn kinh phí được Quốc hội phê duyệt).

THẾ GIỚI:

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: CPI tháng 2/2024 +3.2% YoY, +0.4% MoM (dự báo: +3.1% YoY). CPI lõi tháng 2/2024 +3.8% YoY, +3.1% MoM (dự kiến: +3.7% YoY, +0.3% MoM; trước đó: +3.1% YoY; +0.4% MoM).
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc ngày 8/3/2024 đạt 209 nghìn (ước tính: 218 nghìn; trước đó: 217 nghìn).
- Hoa Kỳ: PPI tháng 2/2024 +1.6% YoY, +0.6% MoM (dự kiến: +1.1% YoY, +0.3% MoM; trước đó: +0.9% YoY; +0.3% MoM).
- Châu Âu: Quan chức ECB Knot: ECB có thể cắt giảm lãi suất vào tháng 6, 9, 12.
- Anh: Tỷ lệ thất nghiệp tháng 1/2024 đạt 3.9% (dự báo: 3.8%; trước đó: 3.8%).
- BoJ: Cân nhắc tăng lãi suất trong tháng 3 – 4/2024. Yếu tố then chốt để BoJ quyết định CSTT là kết quả đàm phán lương mùa xuân.
- Trung Quốc: Moody hạ xếp hạng tín dụng nhà phát triển bất động sản có vốn nhà nước China Vankee xuống mức Baa3 – mức xếp hạng thấp nhất hiện có do (1) lo ngại về thanh khoản và doanh số giảm; (2) tỷ suất lợi nhuận sẽ yếu hơn khi công ty phải giảm giá để tăng cường doanh số.
- Trung Quốc: Bộ trưởng Nhà ở: Cho phép doanh nghiệp bất động sản phá sản nếu cần, là tín hiệu sẽ không giải cứu các tập đoàn bất động sản nặng nợ.

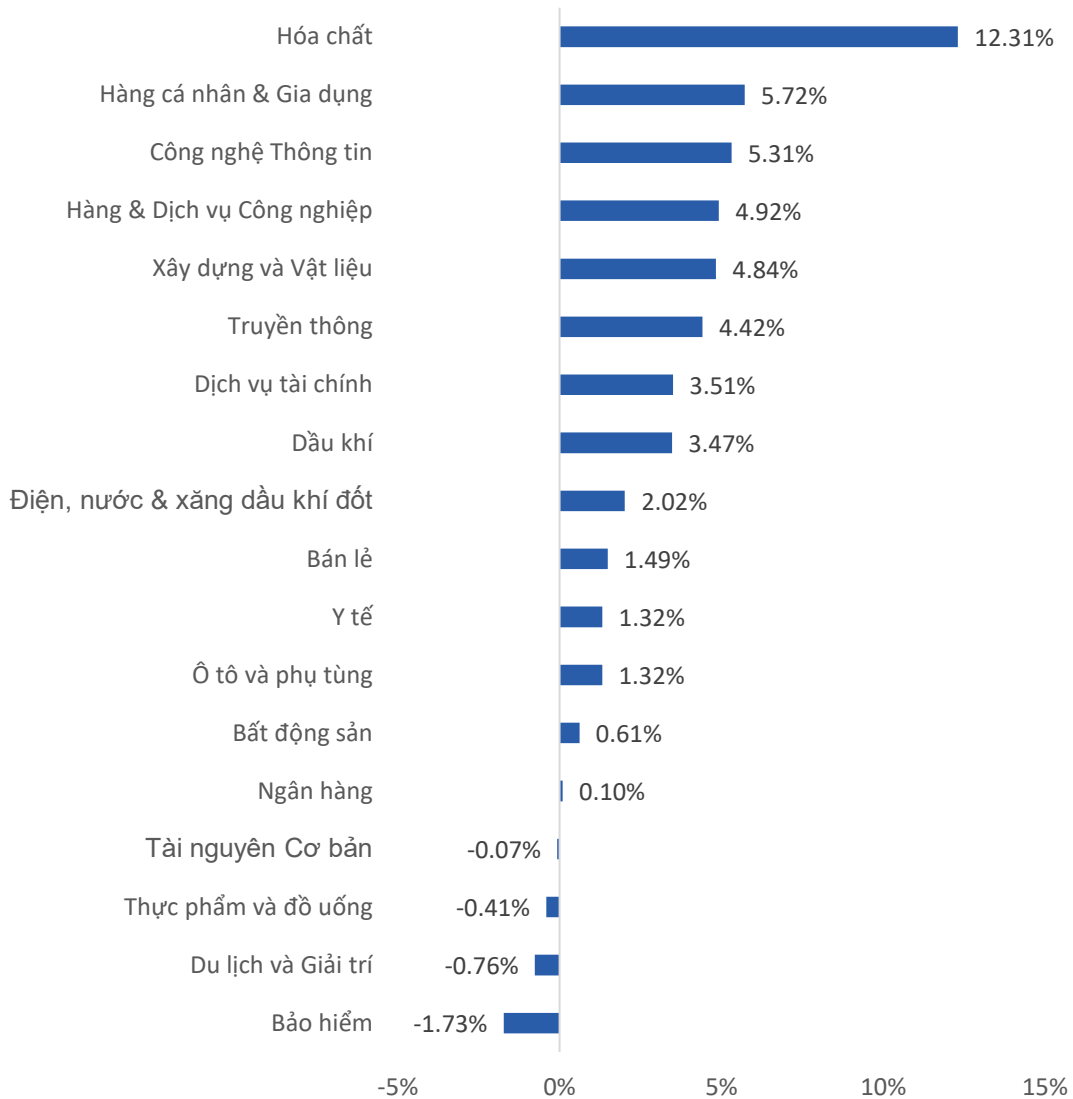
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin mùa ĐHCĐ các Doanh nghiệp niêm yết.
- Hợp đồng tương lai đáo hạn vào 21/3
- 18/3, Doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp, FDI và thất nghiệp Trung Quốc; Cán cân thương mại EU . 19/3, Lãi suất và Báo cáo chính sách tiền tệ BOJ và NHTW Úc; CPI Canada; Giấy phép xây dựng Hoa Kỳ. 20/3, Lãi suất cho vay 1 và 5 năm Trung Quốc; CPI Anh; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 21/3, Lãi suất và biên bản FOMC; Lãi suất và biên bản chính sách tiền NHTW Thụy Sĩ và Anh; PMI và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 22/3, Doanh thu bán lẻ Anh, Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Hóa chất	2.91%	12.31%	28.88%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.34%	5.72%	10.76%
Công nghệ Thông tin	-0.79%	5.31%	10.63%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.14%	4.92%	10.91%
Xây dựng và Vật liệu	0.42%	4.84%	7.52%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	81.04	-0.27%	3.88%	3.29%	PVT	GAS, BSR
Dầu	Barrel	85.33	-0.11%	3.96%	3.13%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.7085	0.19%	7.17%	5.05%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	2155.73	-0.24%	-1.00%	7.09%		PNJ
Bạc	Ounce	25.178	1.44%	3.59%	7.59%		PNJ
Đậu	Bushel	1198.25	0.25%	1.20%	1.87%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.43	-0.24%	-0.84%	1.61%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	167.7	1.64%	2.32%	8.68%	SRC, CSM,	DPR, PHR,
Đường	LB	22.12	1.61%	4.59%	-4.16%	VNM,	SBT, LSS,
Ure	USD/T	375.5	0.13%	1.49%	-7.05%		DPM,
Niken	LB	17866	-1.43%	0.55%	11.61%		PC1
Đồng	LB	4.1125	1.87%	5.86%	7.14%	CAV, SAM,	MSN,
Xút	CNY/T	2040	0.00%	0.00%	-13.92%		CSV
Thép	CNY/ton	3451	-1.57%	-4.85%	-11.31%		HPG
Nhôm	Ton	2277	1.13%	1.65%	2.66%	CAV, SAM,	
Quặng	Ton	105.5	-1.86%	-10.97%	-17.58%	HPG	
Than đá	Ton	131.5	0.31%	-2.95%	10.27%	HT1, HPG	HLC, NBC,



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
GVR	19.31%	5.52
FPT	5.45%	1.88
GAS	3.52%	1.58
BID	2.15%	1.54
DGC	6.37%	0.71
VCI	12.23%	0.63
VGC	10.52%	0.63
VIB	4.41%	0.59
VTP	20.03%	0.47
SIP	11.24%	0.42

Tổng 13.97

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-1.16%	-1.52
VPB	-1.84%	-0.69
SAB	-3.33%	-0.63
BCM	-2.60%	-0.46
VIC	-0.89%	-0.38
LPB	-3.22%	-0.35
HPG	-0.66%	-0.29
SHB	-2.56%	-0.27
BVH	-3.04%	-0.25
VHM	-0.35%	-0.16

Tổng -5.00

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng
FTS	201.38
EIB	201.21
KDH	124.05
SSI	111.82
DIG	80.72
NLG	76.66
GVR	69.36
CTD	68.40
VHC	48.85
VGC	46.11

Tổng 1,028.57

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng
VNM	-531.79
VHM	-375.10
MWG	-290.55
MSN	-267.49
SBT	-241.01
HPG	-189.39
VPB	-187.99
VCB	-183.58
SAB	-169.92
VND	-167.45

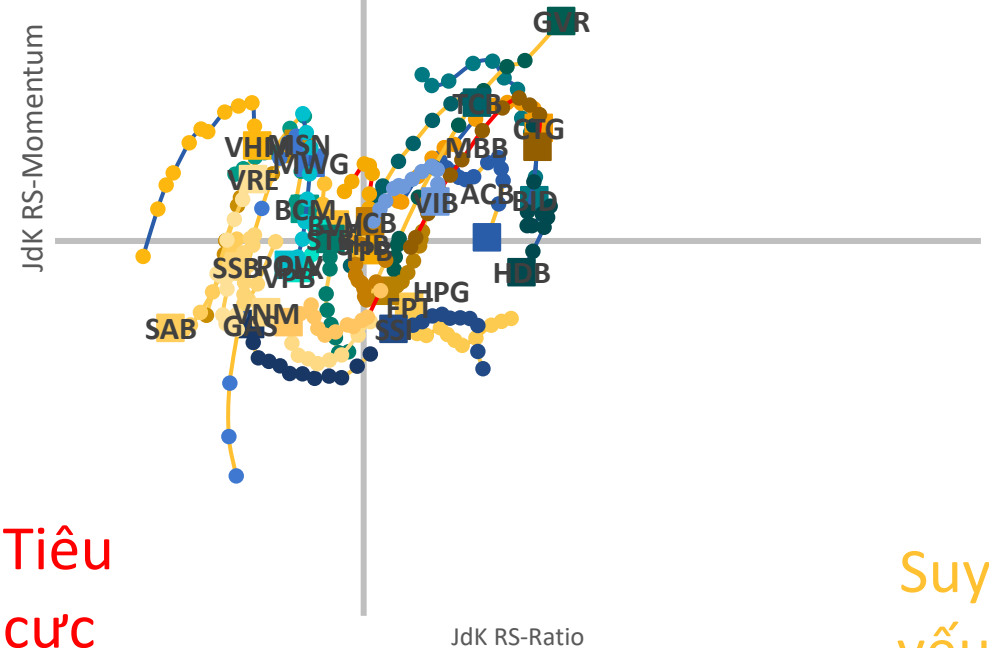
Tổng -2604.28

Vận động cổ phiếu VN30

ACB	108.0172	100.0865
BID	111.0736	101.0824
CTG	111.3665	103.0052
GVR	112.8105	105.863
MBB	111.2837	102.5025
TCB	107.3556	103.6808
VCB	100.4283	100.5176
VIB	104.6744	101.0447
BCM	96.21484	100.8509
BVH	98.14942	100.4317
MSN	95.81306	102.58
MWG	96.57302	102.0756
STB	97.86833	100.0427
VHM	93.12516	102.5409
VIC	91.49123	101.7816
VRE	92.84312	101.646
FPT	102.9685	98.23975
HDB	110.2425	99.16177
HPG	101.4011	98.66452
SSI	101.9624	97.65019
TPB	100.2445	99.75129
GAS	92.65485	97.77146
PLX	95.88384	99.27016
POW	95.17566	99.35904
SAB	87.50704	97.67192
SHB	99.98736	99.92539
SSB	91.76149	99.31512
VJC	96.92921	95.16703
VNM	93.69434	98.08805
VPB	95.14918	97.82985

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

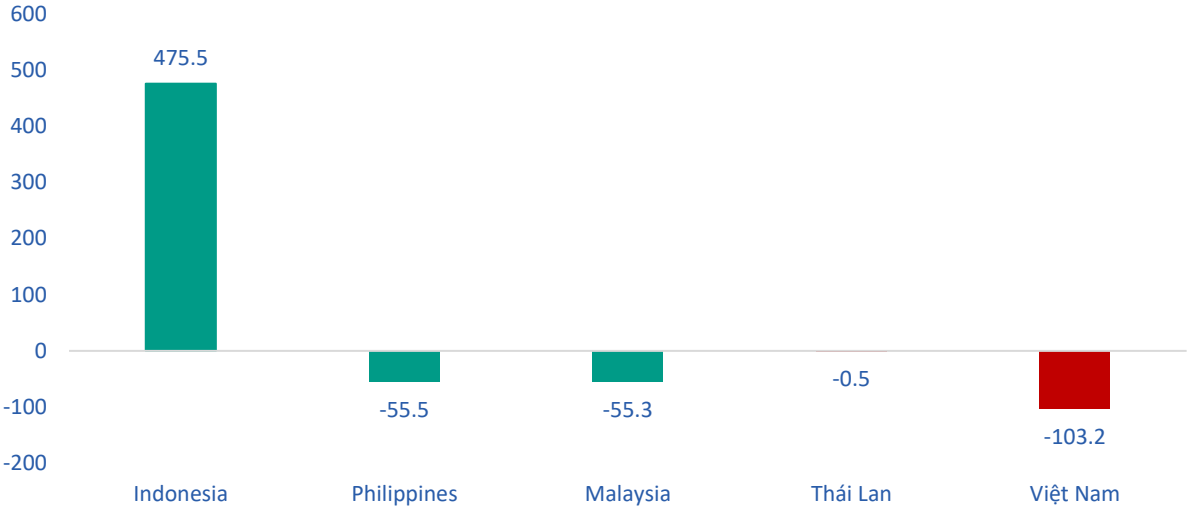
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	261.0	(135.5)	837.8	837.8
Indonesia	475.5	494.2	1674.4	1674.4
Philippines	-55.5	-12.5	195.9	195.9
Malaysia	-55.3	-417.4	4.5	4.5
Thái Lan	-0.5	-96.1	-884.1	-884.1
Việt Nam	-103.2	-103.7	-152.9	-152.9
Các nước khác	940.1	7,269.2	17,795.8	17,795.8
Hàn Quốc	-771.1	-337.3	8035.8	8035.8
Đài Loan	-496.9	3204.5	8027	8027
Ấn Độ	2208.4	4407.1	1749.6	1749.6
Sri Lanka	(0.30)	(5.10)	(16.60)	(16.60)

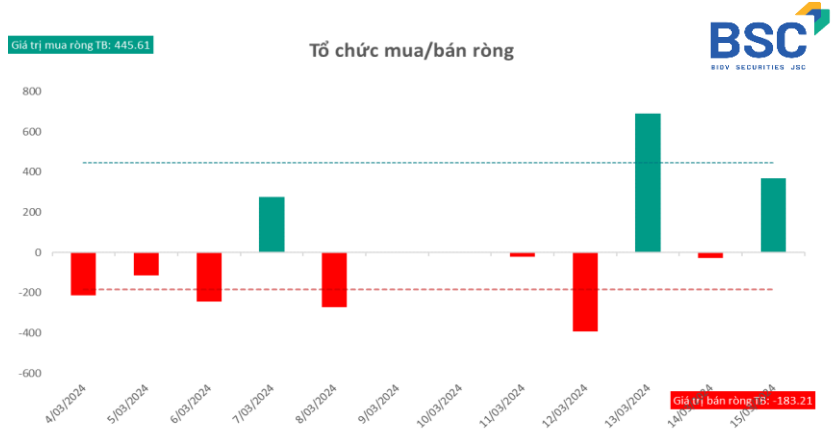
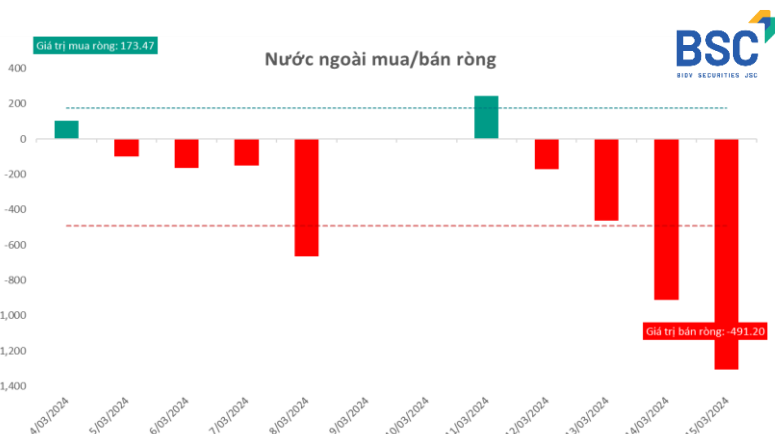
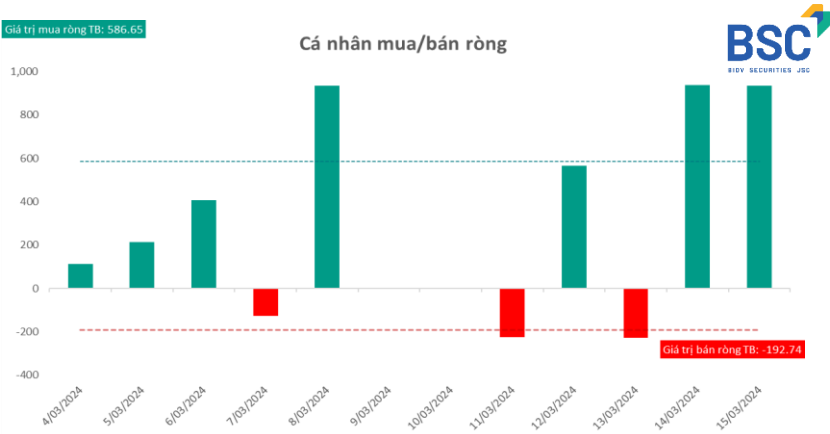


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24				Feb-24				Mar-24	
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10
Tổng	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)
ETF ngoại	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00
ETF nội	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VIX	10,941,400	191.28	MSN	1,046,600	-83.08	FTS	3,208,904	201.38	VNM	7,570,988	-531.79	VHM	10,410,347	445.96	EIB	11,101,727	-202.70
PLX	1,981,400	74.37	FPT	684,501	-79.22	EIB	11,021,527	201.21	VHM	8,735,847	-375.10	VNM	6,152,288	432.06	FTS	3,076,604	-193.34
HPG	2,127,300	64.86	KDH	1,379,600	-51.58	KDH	3,354,507	124.05	MWG	6,183,325	-290.55	MWG	6,072,670	285.20	SSI	3,085,698	-118.88
FCN	4,000,000	62.94	DIG	1,163,300	-32.69	SSI	2,889,348	111.82	MSN	3,382,413	-267.49	HSG	12,504,147	277.02	GAS	1,311,148	-107.26
GAS	726,600	59.01	PVT	974,600	-28.61	DIG	2,769,675	80.72	SBT	19,339,317	-241.01	VPB	14,636,399	273.07	VIX	6,182,326	-106.11
VHM	990,200	43.45	FRT	168,700	-25.62	NLG	1,788,400	76.66	HPG	6,268,881	-189.39	SBT	18,571,717	231.38	KDH	2,768,407	-101.59
FUESSVFL	2,065,300	41.48	BID	431,000	-22.67	GVR	2,170,300	69.36	VPB	10,036,041	-187.99	HPG	7,149,821	214.82	NVL	5,980,704	-97.80
E1VFN30	1,916,100	40.88	VCI	322,000	-15.71	CTD	902,810	68.40	VCB	1,935,249	-183.58	VND	8,195,443	190.46	ACB	2,934,729	-80.26
VNM	562,600	39.41	PVP	1,000,000	-14.10	VHC	646,020	48.85	SAB	2,876,065	-169.92	DGC	1,401,378	178.37	PLX	2,127,500	-79.35
STB	1,283,301	39.11	PVD	287,900	-9.68	VGC	796,100	46.11	VND	7,218,316	-167.45	MSN	2,069,763	163.70	CTD	1,029,110	-77.29

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	94	-1.10%	0.80	21,292.00	8.80	5,910.00	15.90	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	52.2	1.00%	1.00	12,059.00	3.00	3,781.00	13.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	-0.80%	1.00	5,997.00	10.30	1,267.00	14.70	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	41.4	0.00%	1.10	5,910.00	12.70	5,111.00	8.10	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	1.50%	1.00	5,029.00	18.20	3,966.00	6.00	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	30.5	0.20%	1.00	2,330.00	21.60	4,094.00	7.40	31,200	24.40%	Link
CTG	Ngân hàng	34.8	0.90%	1.00	7,563.00	13.50	3,723.00	9.30	19,100	27.20%	Link
ACB	Ngân hàng	27.4	0.40%	0.80	4,305.00	8.70	4,131.00	6.60	42,500	30.00%	Link
SSI	Chứng khoán	37.8	-0.10%	1.20	2,297.00	42.90	1,529.00	24.70	45,900	46.10%	Link
IDC	BĐS KCN	59.8	-0.80%	1.10	800.00	7.30	4,221.00	14.20	-	11.10%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.1	-0.80%	1.40	7,093.00	43.70	1,176.00	25.60	23,300	26.40%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	22.1	-0.70%	1.60	552.00	11.60	1,321.00	16.70	79,900	20.50%	Link
VHM	BĐS	42	-1.20%	1.30	7,482.00	17.00	7,607.00	5.60	38,900	24.20%	Link
KDH	BĐS	37.2	-0.80%	1.40	1,205.00	6.30	897.00	41.50	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	43.8	-1.70%	1.30	684.00	9.30	1,257.00	34.90	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	127	-0.90%	1.50	1,955.00	12.90	8,163.00	15.60	85,000	13.50%	Link
DCM	Phân bón	35.5	-0.70%	1.40	762.00	6.80	2,095.00	16.90	41,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	82.3	1.60%	0.70	7,660.00	8.00	5,053.00	16.30	36,000	2.90%	Link
PVS	Dầu khí	37.9	0.00%	0.90	734.00	8.30	1,812.00	20.90	110,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	32.8	-0.30%	1.30	739.00	6.80	1,035.00	31.70	45,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.4	-1.30%	0.80	1,087.00	4.90	459.00	24.90	38,500	6.20%	Link
VHC	Thủy sản	77.1	0.10%	1.00	701.00	3.60	4,793.00	16.10	29,000	32.10%	Link
GMD	Logistics	80	-0.70%	1.10	992.00	5.80	7,262.00	11.00	14,500	47.00%	Link
VNM	Bán lẻ	68.8	-2.40%	0.80	5,827.00	13.50	4,246.00	16.20	81,700	54.40%	Link
MSN	Bán lẻ	78.5	-0.50%	1.50	4,552.00	22.00	293.00	268.30	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	47.4	0.20%	1.60	2,806.00	17.00	115.00	413.00	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.5	-1.40%	0.70	1,349.00	6.60	6,011.00	16.60	83,500	49.00%	Link
DGW	Bán lẻ	69	4.40%	1.50	467.00	9.60	2,121.00	32.50	90,900	23.60%	Link
FPT	Công nghệ	116	-0.90%	0.80	5,970.00	18.00	5,091.00	22.80	57,000	49.00%	Link
CTR	Công nghệ	118.5	0.90%	1.00	549.00	3.20	4,515.00	26.20	108,000	9.70%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	23	0.20%	0.80	2,696.00	5.60	3,482.00	6.60	1.50	19.60%	23.20%
VIB	Ngân hàng	22.5	3.70%	1.20	2,313.00	7.80	3,376.00	6.70	1.50	20.50%	28.80%
TPB	Ngân hàng	18.8	0.30%	1.10	1,677.00	6.90	2,027.00	9.30	1.30	29.80%	19.80%
MSB	Ngân hàng	14.7	0.00%	1.30	1,192.00	6.10	2,322.00	6.30	0.90	30.00%	17.80%
EIB	Ngân hàng	17.8	-0.60%	1.00	1,259.00	22.30	1,244.00	14.40	1.40	1.80%	12.60%
HCM	Chứng khoán	28.3	-1.20%	1.40	865.00	12.30	1,475.00	19.20	1.60	41.00%	7.30%
VCI	Chứng khoán	53.7	2.90%	1.60	952.00	22.20	1,124.00	47.80	3.20	21.70%	4.70%
VND	Chứng khoán	23.6	1.10%	1.50	1,162.00	31.70	1,662.00	14.20	1.70	22.60%	3.80%
BSI	Chứng khoán	61	1.70%	1.50	501.00	2.30	2,014.00	30.30	2.60	40.40%	8.20%
SHS	Chứng khoán	19.1	0.00%	1.60	629.00	22.60	688.00	27.80	1.50	13.20%	4.30%
LCG	Xây dựng	13.8	1.10%	1.50	106.00	7.00	635.00	21.70	1.00	2.10%	3.80%
HUT	Xây dựng	18.8	1.10%	1.70	680.00	4.30	45.00	418.30	1.80	1.60%	1.30%
CTD	Xây dựng	77	-0.10%	0.90	311.00	7.00	1,894.00	40.60	0.90	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.2	0.00%	1.40	254.00	3.60	777.00	19.60	0.80	6.70%	4.20%
C4G	Xây dựng	11.5	0.00%	1.50	-	0.60	431.00	26.70	1.10	0.00%	5.20%
DIG	BĐS KCN	28.5	3.60%	1.70	704.00	80.70	283.00	100.70	2.30	5.20%	1.10%
CEO	BĐS KCN	22.1	0.50%	1.00	461.00	15.90	297.00	74.30	2.00	5.60%	8.30%
KBC	BĐS KCN	33.6	-1.00%	1.50	1,045.00	17.10	2,606.00	12.90	1.40	20.80%	18.90%
VGC	BĐS KCN	59.9	1.20%	1.30	1,088.00	4.70	2,717.00	22.00	3.40	5.40%	13.60%
SZC	BĐS KCN	45	0.00%	1.40	328.00	4.70	1,824.00	24.70	3.10	3.20%	10.90%
SIP	BĐS KCN	93	-0.20%	1.50	685.00	1.50	5,260.00	17.70	4.70	0.30%	26.50%
PHR	BĐS KCN	61.3	4.10%	1.10	337.00	3.30	4,574.00	13.40	2.30	15.80%	26.90%
GVR	BĐS KCN	34.6	5.50%	1.50	5,609.00	8.00	646.00	53.50	2.80	0.30%	7.00%
NKG	Vật liệu	24.4	1.70%	1.60	261.00	10.60	464.00	52.70	1.30	16.00%	13.50%
BMP	Hóa chất	113.7	-0.40%	0.60	377.00	1.10	12,704.00	8.90	3.50	85.90%	38.40%
IJC	Bất động sản	16.4	-1.20%	1.70	250.00	3.20	1,569.00	10.40	1.10	5.90%	10.90%
DXG	Bất động sản	18.3	1.10%	1.80	534.00	21.60	239.00	76.70	1.40	20.00%	3.40%
VRE	Bất động sản	25.8	-0.60%	1.10	2,371.00	11.70	1,940.00	13.30	1.50	31.00%	10.70%
PDR	Bất động sản	28.1	0.00%	1.80	841.00	18.00	926.00	30.30	2.30	7.40%	9.00%
CSV	Hóa chất	59.3	-1.00%	1.40	106.00	1.80	4,732.00	12.50	1.90	3.70%	21.00%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	45.9	-0.20%	1.00	150.00	1.20	3,840.00	12.00	2.00	35.80%	18.10%
PLX	Dầu khí	37.6	0.80%	1.00	1,939.00	2.40	2,213.00	17.00	2.00	17.10%	11.70%
PLC	Dầu khí	32.5	1.20%	1.40	106.00	0.30	1,333.00	24.40	2.00	1.20%	8.50%
BSR	Dầu khí	19.4	0.00%	1.30	-	4.10	2,745.00	7.10	1.10	0.80%	9.70%
DRC	Săm lốp	34.2	1.30%	0.80	165.00	4.10	2,086.00	16.40	2.20	13.60%	13.50%
PC1	Tiện ích	28.8	-1.20%	1.40	362.00	11.50	439.00	65.50	2.30	8.50%	5.00%
HDG	Tiện ích	29.8	0.00%	1.30	369.00	7.40	2,327.00	12.80	1.60	22.80%	16.80%
GEX	Tiện ích	23	0.70%	1.80	795.00	21.70	388.00	59.40	1.70	12.60%	5.40%
QTP	Tiện ích	15.6	0.60%	0.60	-	0.20	1,366.00	11.40	1.40	1.20%	9.90%
REE	Tiện ích	64	-0.50%	0.90	1,060.00	2.10	5,354.00	12.00	1.50	49.00%	18.50%
ANV	Thủy sản	35.1	-0.40%	1.40	189.00	3.70	314.00	111.70	1.90	3.00%	10.00%
PTB	Thủy sản	64.4	0.20%	0.70	175.00	1.30	4,368.00	14.70	1.60	20.90%	13.40%
PVT	Logistics	29	0.90%	0.90	382.00	6.00	3,005.00	9.70	1.40	12.30%	16.40%
VSC	Logistics	22.2	-2.20%	1.40	240.00	4.30	946.00	23.50	1.00	2.50%	7.90%
HAH	Logistics	44.2	-1.80%	1.40	189.00	6.80	3,648.00	12.10	1.80	3.90%	24.60%
VTP	Logistics	94.1	5.00%	1.10	464.00	6.70	3,122.00	30.10	7.40	9.40%	15.10%
DBC	Bán lẻ	31.5	-0.30%	1.40	309.00	11.60	103.00	304.80	1.60	4.50%	2.90%
FRT	Bán lẻ	147	-4.50%	0.70	812.00	14.50	(2,537.00)	-57.90	14.20	36.20%	11.80%
QNS	Bán lẻ	48.1	-0.80%	0.70	-	0.50	6,117.00	7.90	2.00	15.50%	24.30%
DPM	Phân bón	36.4	0.00%	1.30	577.00	4.70	1,361.00	26.70	1.40	10.00%	19.10%
TNG	Dệt may	22.4	-1.30%	1.00	103.00	3.10	1,997.00	11.20	1.60	18.60%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

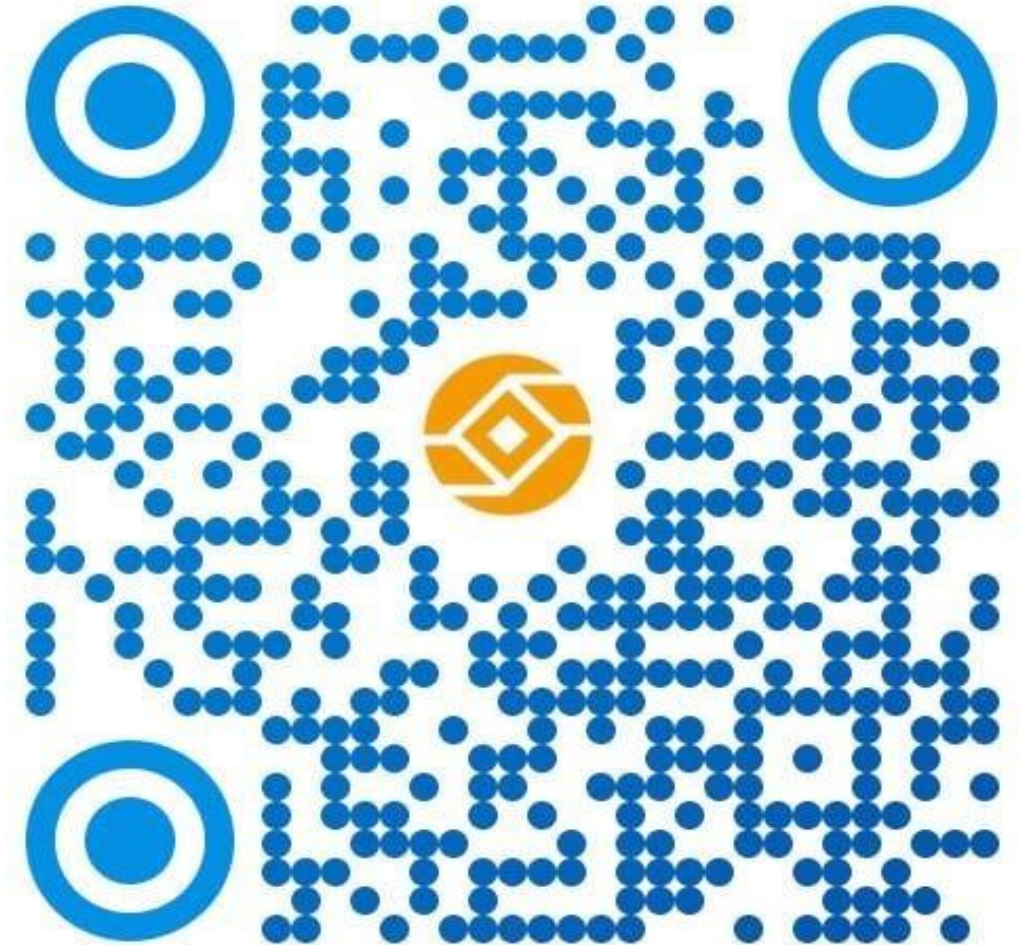
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký